

# THÚC ĐẨY KINH TẾ TUẦN HOÀN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI XANH

● NGUYỄN THỊ HƯỜNG<sup>1</sup> - LÊ THỊ BÍCH VÂN<sup>1\*</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Hải Phòng

\*Email: vanltb@dhhp.edu.vn

DOI: 10.62831/nckh.2026.137.v1

## TÓM TẮT:

Bài viết tập trung phân tích thực trạng triển khai kinh tế tuần hoàn (KTTH) tại khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) sản xuất ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và yêu cầu giảm phát thải ngày càng gia tăng. Trên cơ sở tổng hợp tài liệu, báo cáo chính sách và thực tiễn triển khai tại doanh nghiệp, nghiên cứu cho thấy, SMEs đã bước đầu tiếp cận các hoạt động tuần hoàn như tiết kiệm năng lượng, tái sử dụng nguyên vật liệu và giảm chất thải. Tuy nhiên, việc triển khai vẫn mang tính phân tán, thiếu liên kết chuỗi giá trị và chưa hình thành hệ sinh thái tuần hoàn hiệu quả. Bài viết đồng thời đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy KTTH tại SMEs, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam trong giai đoạn tới.

**Từ khóa:** kinh tế tuần hoàn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, chuyển đổi xanh, phát triển bền vững.

## 1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, khái niệm KTTH ngày càng được nhắc đến như một giải pháp quan trọng nhằm giải quyết đồng thời các vấn đề về môi trường, cạn kiệt tài nguyên và tăng trưởng kinh tế bền vững. Trước áp lực từ biến đổi khí hậu, suy giảm đa dạng sinh học và yêu cầu giảm phát thải carbon, nhiều quốc gia đã chuyển từ mô hình kinh tế tuyến tính truyền thống sang mô hình phát triển dựa trên tái sử dụng tài nguyên và giảm thiểu chất thải.

Khác với mô hình “khai thác - sản xuất - tiêu dùng - thải bỏ”, KTTH hướng tới việc kéo dài vòng đời sản phẩm, tối ưu hóa việc sử dụng nguyên liệu và tái tạo giá trị tài nguyên trong toàn bộ chuỗi sản xuất và tiêu dùng. Đây không chỉ là giải pháp môi trường mà còn được xem là động lực đổi mới mô

hình tăng trưởng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang chuyển dịch theo hướng xanh hóa và phát triển bền vững.

Tại Việt Nam, chủ trương phát triển KTTH đã được thể hiện trong nhiều văn bản chiến lược quan trọng như Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 và Quyết định số 687/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phát triển KTTH. Những định hướng này cho thấy KTTH không còn là xu hướng mang tính khuyến khích mà đang dần trở thành yêu cầu tất yếu đối với doanh nghiệp trong quá trình hội nhập quốc tế.

Trong bối cảnh đó, khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam. SMEs hiện chiếm hơn 97% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động, đóng góp lớn

vào GDP, tạo việc làm và thúc đẩy tăng trưởng ở nhiều địa phương. Tuy nhiên, đây cũng là khu vực dễ bị tổn thương trước các yêu cầu chuyển đổi xanh do hạn chế về vốn, công nghệ và năng lực quản trị. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam đang chịu áp lực ngày càng lớn từ các tiêu chuẩn môi trường và phát triển bền vững của thị trường quốc tế. Những yêu cầu như giảm phát thải carbon, truy xuất nguồn gốc nguyên liệu, trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) hay tiêu chuẩn ESG đang buộc doanh nghiệp phải thay đổi phương thức sản xuất nếu muốn duy trì khả năng cạnh tranh.

Mặc dù vậy, quá trình triển khai KTTH trong các SMEs Việt Nam vẫn còn chậm và thiếu đồng bộ. Phần lớn doanh nghiệp mới chỉ thực hiện các giải pháp đơn lẻ nhằm tiết kiệm chi phí thay vì xây dựng chiến lược tuần hoàn dài hạn. Việc thiếu liên kết chuỗi giá trị, hạn chế tiếp cận nguồn lực tài chính và sự chưa hoàn thiện của cơ chế hỗ trợ đang trở thành những rào cản lớn đối với tiến trình chuyển đổi. Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết tập trung phân tích thực trạng triển khai KTTH tại các SMEs sản xuất ở Việt Nam, đồng thời làm rõ những vấn đề đặt ra trong quá trình chuyển đổi xanh hiện nay. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy KTTH phù hợp với điều kiện thực tiễn của SMEs Việt Nam.

## **2. Khái quát về kinh tế tuần hoàn và vai trò đối với SMEs**

KTTH được hiểu là mô hình kinh tế hướng tới duy trì giá trị của tài nguyên, nguyên vật liệu và sản phẩm trong thời gian dài nhất có thể thông qua tái sử dụng, tái chế, sửa chữa và tái tạo tài nguyên. Theo cách tiếp cận này, chất thải phát sinh từ quá trình sản xuất và tiêu dùng sẽ được xem như nguồn nguyên liệu đầu vào cho chu trình sản xuất mới.

Không giống như mô hình tuyến tính truyền thống vốn phụ thuộc nhiều vào khai thác tài nguyên tự nhiên, KTTH nhấn mạnh việc tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm thiểu tác động môi trường trong toàn bộ vòng đời sản phẩm. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh nguồn tài nguyên ngày càng suy giảm và chi phí xử lý chất thải ngày càng gia tăng.

Đối với SMEs, KTTH không chỉ mang ý nghĩa về môi trường mà còn tạo ra nhiều cơ hội nâng cao hiệu quả kinh doanh. Việc tiết kiệm nguyên vật liệu, giảm tiêu hao năng lượng và tối ưu hóa quy trình sản xuất

có thể giúp doanh nghiệp giảm chi phí vận hành và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Bên cạnh đó, KTTH còn giúp doanh nghiệp thích ứng tốt hơn với xu hướng tiêu dùng xanh và các tiêu chuẩn bền vững của thị trường quốc tế. Trong bối cảnh nhiều quốc gia đang áp dụng các cơ chế điều chỉnh carbon và tiêu chuẩn ESG trong chuỗi cung ứng, việc chuyển đổi sang mô hình sản xuất tuần hoàn đang trở thành điều kiện quan trọng để doanh nghiệp duy trì khả năng tham gia thị trường.

Ngoài lợi ích kinh tế, KTTH còn góp phần nâng cao hình ảnh doanh nghiệp và tạo ra giá trị xã hội tích cực thông qua giảm phát thải, giảm ô nhiễm và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Đây cũng là cơ sở để doanh nghiệp từng bước hướng tới mô hình phát triển bền vững trong dài hạn.

## **3. Thực trạng triển khai kinh tế tuần hoàn tại các SMEs ở Việt Nam**

### **3.1. Sự cải thiện về nhận thức và xu hướng chuyển đổi xanh**

Trong những năm gần đây, nhận thức của doanh nghiệp Việt Nam về KTTH đã có nhiều chuyển biến tích cực. Các chương trình truyền thông, hội thảo chuyên đề và chính sách thúc đẩy tăng trưởng xanh đã góp phần nâng cao sự quan tâm của doanh nghiệp đối với các mô hình sản xuất thân thiện môi trường.

Đặc biệt, nhóm doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng xuất khẩu trong các ngành dệt may, da giày, điện tử và chế biến thực phẩm đang chịu áp lực lớn từ đối tác quốc tế về truy xuất nguồn gốc, sử dụng nguyên liệu tái chế và giảm phát thải carbon. Điều này đã thúc đẩy nhiều doanh nghiệp quan tâm hơn đến việc áp dụng các hoạt động tuần hoàn trong sản xuất.

Một số doanh nghiệp đã bước đầu triển khai các giải pháp như tiết kiệm điện năng, tái sử dụng nước sản xuất, phân loại chất thải tại nguồn hoặc tận dụng phụ phẩm làm nguyên liệu đầu vào cho các hoạt động khác. Trong lĩnh vực chế biến nông sản, nhiều doanh nghiệp đã tận dụng phụ phẩm từ sản xuất để sản xuất phân bón hữu cơ hoặc thức ăn chăn nuôi.

Ngoài ra, xu hướng tiêu dùng xanh và sự gia tăng của các yêu cầu về phát triển bền vững từ nhà đầu tư cũng đang tạo áp lực thúc đẩy doanh nghiệp thay đổi phương thức sản xuất theo hướng tuần hoàn hơn.

### **3.2. Mức độ triển khai còn phân tán và thiếu hệ thống**

Mặc dù nhận thức đã được cải thiện, song việc

triển khai KTTH trong thực tế vẫn còn nhiều hạn chế. Phần lớn SMEs hiện mới chỉ thực hiện các giải pháp đơn lẻ mang tính tiết kiệm chi phí hơn là áp dụng mô hình tuần hoàn toàn diện.

Nhiều doanh nghiệp vẫn xem KTTH chủ yếu là hoạt động xử lý chất thải hoặc tái chế sau sản xuất thay vì tái cấu trúc toàn bộ chuỗi giá trị theo hướng khép kín. Các khâu như thiết kế sản phẩm thân thiện môi trường, logistics ngược hay thu hồi sản phẩm sau tiêu dùng vẫn chưa được quan tâm đúng mức.

Trong một số trường hợp, doanh nghiệp triển khai các hoạt động môi trường chủ yếu để đáp ứng yêu cầu kiểm tra của khách hàng hoặc cơ quan quản lý thay vì xuất phát từ chiến lược phát triển dài hạn. Điều này khiến việc triển khai KTTH thiếu tính ổn định và chưa tạo được hiệu quả rõ rệt.

Bên cạnh đó, sự chênh lệch về năng lực giữa các doanh nghiệp cũng khá lớn. Những doanh nghiệp có quy mô lớn hơn hoặc tham gia sâu vào chuỗi cung ứng quốc tế thường có điều kiện tiếp cận công nghệ và tiêu chuẩn quản trị tốt hơn, trong khi nhiều SMEs nhỏ vẫn gặp khó khăn trong việc triển khai các hoạt động tuần hoàn cơ bản.

### **3.3. Liên kết chuỗi giá trị tuần hoàn còn hạn chế**

Một trong những vấn đề lớn hiện nay là hệ sinh thái tuần hoàn tại Việt Nam vẫn chưa được hình thành đầy đủ. Nhiều SMEs gặp khó khăn trong việc tìm kiếm đối tác thu gom, tái chế hoặc tái sử dụng chất thải và phụ phẩm sản xuất.

Trong khi đó, sự kết nối giữa doanh nghiệp sản xuất với doanh nghiệp tái chế, đơn vị logistics và tổ chức hỗ trợ công nghệ còn lỏng lẻo. Điều này làm gia tăng chi phí triển khai KTTH và khiến doanh nghiệp khó duy trì mô hình tuần hoàn trong dài hạn.

Ngoài ra, hạ tầng phục vụ logistics ngược và thu hồi sản phẩm sau tiêu dùng tại Việt Nam còn thiếu đồng bộ. Nhiều địa phương chưa có hệ thống thu gom, phân loại và tái chế chất thải hiệu quả, khiến quá trình tái sử dụng tài nguyên gặp nhiều trở ngại.

## **4. Những vấn đề đặt ra trong thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại SMEs**

### **4.1. Hạn chế về nguồn lực tài chính**

Nguồn lực tài chính là rào cản lớn nhất đối với quá trình chuyển đổi tuần hoàn của SMEs Việt Nam. Việc đầu tư công nghệ sạch, cải tiến dây chuyền sản xuất và áp dụng các tiêu chuẩn môi trường thường đòi hỏi chi phí lớn, trong khi phần lớn SMEs có quy mô vốn nhỏ và khả năng tích lũy hạn chế.

Nhiều doanh nghiệp cho rằng việc chuyển đổi sang mô hình sản xuất tuần hoàn có thể làm tăng chi phí đầu tư trong ngắn hạn, trong khi hiệu quả kinh tế chưa thể hiện ngay lập tức. Điều này khiến doanh nghiệp còn tâm lý e ngại và chưa mạnh dạn đầu tư cho các giải pháp xanh.

Mặc dù đã có các chương trình tín dụng xanh và hỗ trợ đổi mới công nghệ, nhưng khả năng tiếp cận của SMEs vẫn còn hạn chế do điều kiện vay vốn khắt khe và thiếu tài sản đảm bảo.

### **4.2. Hạn chế về công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Trình độ công nghệ của nhiều SMEs hiện vẫn ở mức thấp và phụ thuộc nhiều vào máy móc, thiết bị cũ tiêu hao nhiều năng lượng. Điều này khiến doanh nghiệp khó đáp ứng yêu cầu sản xuất sạch hơn và giảm phát thải.

Bên cạnh đó, hoạt động nghiên cứu và đổi mới sáng tạo trong SMEs còn yếu. Nhiều doanh nghiệp chưa có khả năng tự nghiên cứu hoặc tiếp cận công nghệ tuần hoàn phù hợp với quy mô sản xuất của mình.

Việc thiếu thông tin về giải pháp công nghệ và mô hình tuần hoàn hiệu quả cũng khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong quá trình chuyển đổi.

### **4.3. Hạn chế về nguồn nhân lực và năng lực quản trị**

Phần lớn SMEs Việt Nam chưa có đội ngũ nhân sự chuyên trách về môi trường hoặc phát triển bền vững. Năng lực quản trị của doanh nghiệp chủ yếu tập trung vào mục tiêu ngắn hạn như doanh thu và chi phí, trong khi chưa chú trọng xây dựng chiến lược phát triển xanh dài hạn.

Nhiều chủ doanh nghiệp còn thiếu hiểu biết đầy đủ về KTTH và lợi ích của chuyển đổi tuần hoàn. Điều này dẫn đến việc triển khai các hoạt động môi trường còn mang tính tự phát và thiếu định hướng.

Ngoài ra, chất lượng lao động kỹ thuật trong một số ngành sản xuất còn hạn chế, gây khó khăn cho việc vận hành công nghệ mới và áp dụng quy trình sản xuất bền vững.

### **4.4. Chính sách hỗ trợ chưa đồng bộ**

Mặc dù Việt Nam đã ban hành nhiều chủ trương liên quan đến KTTH và tăng trưởng xanh, song hệ thống chính sách hỗ trợ dành riêng cho SMEs vẫn còn phân tán và thiếu tính đồng bộ.

Một số cơ chế ưu đãi về thuế, tín dụng xanh hoặc hỗ trợ đổi mới công nghệ chưa thực sự phù hợp với khả năng tiếp cận của doanh nghiệp nhỏ. Thủ tục

hành chính trong việc tiếp cận các chương trình hỗ trợ còn phức tạp, khiến nhiều doanh nghiệp chưa mặn mà tham gia.

Ngoài ra, việc thiếu các tiêu chuẩn và hướng dẫn cụ thể về KTTH trong từng ngành nghề cũng khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong quá trình triển khai.

#### **4.5. Thị trường tiêu dùng xanh phát triển chưa mạnh**

Một trong những yếu tố ảnh hưởng đến động lực chuyển đổi của doanh nghiệp là nhu cầu thị trường đối với sản phẩm xanh còn hạn chế. Phần lớn người tiêu dùng Việt Nam vẫn ưu tiên giá cả hơn các tiêu chí môi trường.

Trong khi đó, sản phẩm sản xuất theo mô hình tuần hoàn thường có chi phí cao hơn do doanh nghiệp phải đầu tư thêm cho công nghệ, nguyên liệu và quy trình sản xuất. Điều này làm giảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường trong nước.

### **5. Hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy kinh tế tuần hoàn tại SMEs**

#### **5.1. Hoàn thiện khung pháp lý và cơ chế hỗ trợ**

Trong thời gian tới, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách về KTTH theo hướng đồng bộ và phù hợp với đặc điểm của SMEs. Nhà nước cần xây dựng cơ chế khuyến khích cụ thể đối với doanh nghiệp áp dụng mô hình sản xuất tuần hoàn như ưu đãi thuế, hỗ trợ tín dụng xanh và hỗ trợ đổi mới công nghệ. Bên cạnh đó, cần xây dựng các bộ tiêu chuẩn và hướng dẫn thực hiện KTTH theo từng ngành nghề nhằm giúp doanh nghiệp dễ dàng triển khai trong thực tế.

#### **5.2. Thúc đẩy phát triển hệ sinh thái tuần hoàn**

Việc phát triển hệ sinh thái tuần hoàn cần được xem là giải pháp trọng tâm trong quá trình thúc đẩy KTTH tại Việt Nam. Nhà nước cần hỗ trợ kết nối giữa doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp tái chế, cơ sở logistics và các tổ chức nghiên cứu nhằm hình thành chuỗi giá trị tuần hoàn hiệu quả. Ngoài ra, cần đầu tư phát triển hạ tầng thu gom, phân loại và tái chế chất thải tại các khu công nghiệp và địa phương nhằm giảm chi phí triển khai cho doanh nghiệp.

#### **5.3. Nâng cao năng lực doanh nghiệp và chất lượng nguồn nhân lực**

Các chương trình đào tạo về quản trị môi trường, sản xuất sạch hơn và KTTH cần được triển khai rộng rãi cho SMEs. Điều này giúp doanh nghiệp nâng cao nhận thức và từng bước xây dựng chiến lược phát triển bền vững phù hợp. Bên cạnh đó, cần khuyến khích hợp tác giữa doanh nghiệp với các trường đại học, viện nghiên cứu và tổ chức hỗ trợ công nghệ nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ xanh.

#### **5.4. Phát triển thị trường tiêu dùng xanh**

Để tạo động lực cho doanh nghiệp chuyển đổi, cần thúc đẩy phát triển thị trường tiêu dùng xanh thông qua các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về sản phẩm thân thiện môi trường. Ngoài ra, Nhà nước có thể thúc đẩy mua sắm công xanh và hỗ trợ xây dựng hệ thống nhãn sinh thái nhằm tạo niềm tin cho người tiêu dùng đối với sản phẩm sản xuất theo mô hình tuần hoàn.

### **6. Kết luận**

KTTH đang trở thành xu hướng phát triển quan trọng trong tiến trình chuyển đổi xanh của Việt Nam. Đối với khu vực SMEs, việc áp dụng KTTH không chỉ góp phần giảm áp lực môi trường mà còn tạo cơ hội nâng cao hiệu quả sản xuất và năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, thực tế cho thấy quá trình triển khai KTTH tại SMEs Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế liên quan đến nguồn lực tài chính, công nghệ, nhân lực và khả năng liên kết chuỗi giá trị. Điều này đòi hỏi cần có sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà nước, doanh nghiệp và các bên liên quan nhằm xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ chuyển đổi tuần hoàn hiệu quả hơn.

Trong thời gian tới, việc thúc đẩy KTTH cần gắn với chiến lược phát triển xanh quốc gia và quá trình tái cấu trúc mô hình tăng trưởng của doanh nghiệp. Nếu được triển khai hiệu quả, KTTH sẽ không chỉ giúp SMEs thích ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường quốc tế mà còn góp phần quan trọng vào mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam ■

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2020). Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, ngày 17/11/2020.

Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2022). Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 7/6/2022 phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam.

Geissdoerfer M., Savaget P., Bocken N., & Hultink E. (2017). The circular economy – A new sustainability paradigm? *Journal of Cleaner Production*, 143, 757-768.

GIZ (2025). Pre-consumer textile waste recycling in Viet Nam. Available at <https://www.giz.de/de/downloads/giz2025-en-ecosystem-mapping.pdf>

Kalmykova Y., Sadagopan M., & Rosado L. (2018). Circular economy – From review of theories and practices to development of implementation tools. *Resources, Conservation and Recycling*, 135, 190-201.

Kirchherr J., Reike D., & Hekkert M. (2018). Conceptualizing the circular economy: An analysis of 114 definitions. *Resources, Conservation and Recycling*, 127, 221-232.

Lewandowski M. (2016). Designing the business models for circular economy. *Sustainability*, 8(1), 43.

Nguyen Thi Thanh Huyen (2024). Circular Economy Development towards Sustainable Development in Vietnamese Textile and Garment. Available at <https://www.multiresearchjournal.com/admin/uploads/archives/archive-1705399401.pdf>

UNDP (2022). Assessment of circular economy potential for small and medium enterprises in Vietnam.

WB (2021) .Market Study for Vietnam: Plastics Circularity Opportunities and Barriers. Available at <https://wb.com/Market-Study-for-Vietnam-Plastics-Circularity-Opportunities-and-Barriers.pdf>.

**Ngày nhận bài: 05/04/2026**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 22/04/2026**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 09/05/2026**

## **PROMOTING CIRCULAR ECONOMY ADOPTION AMONG SMALL AND MEDIUM-SIZED ENTERPRISES IN VIETNAM AMID THE GREEN TRANSFORMATION**

● **NGUYEN THI HUONG<sup>1</sup>**

● **LE THI BICH VAN<sup>1\*</sup>**

<sup>1</sup>Hai Phong University

\*Email:vanltb@dhhp.edu.vn

### **ABSTRACT:**

This study examines the current state of circular economy implementation among small and medium-sized enterprises (SMEs) in Vietnam's manufacturing sector amid deepening international integration and growing pressure to reduce emissions. Drawing on a synthesis of academic literature, policy reports, and enterprise-level practices, the study shows that SMEs have begun to adopt circular activities such as energy conservation, material reuse, and waste reduction. However, implementation remains fragmented, with limited value-chain linkages and an underdeveloped circular ecosystem. The article further offers policy implications for advancing circular economy adoption among SMEs, thereby strengthening enterprise competitiveness and contributing to Vietnam's sustainable development goals in the coming period.

**Keywords:** circular economy, small and medium-sized enterprises, green transition, sustainable development.